

Số: 04/2026/QĐST-DS

Cao Bằng, ngày 14 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CAO BẰNG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Vũ Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Chung và bà Phùng Thị Mến

Căn cứ các điều 212, 213, 217, 218, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2026/TLST-DS ngày 03/4/2026 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Ngày 14/9/2026, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 12/2026/TLST-DS ngày 03/4/2026 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Mông văn T4 (SĐT: 0336.534.348)

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Vi Thị N (SĐT: 0358271501)

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1, Nông Thị N1

Địa chỉ: Phường N, tỉnh Cao Bằng.

2, Mông Văn M

Địa chỉ: Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng

3, Mông Hải T

Địa chỉ: Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng

4, Nông Xuân C

Địa chỉ: N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

5, Mông Thị N2

Địa chỉ: P, xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

6. Mông Thị H

Địa chỉ: Đ, S, Đ, Đ, Bình Phước.

7, Mông Văn T1 (đã chết năm 2015)

Địa chỉ: Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng.

7, Mông Thị Cẩm L

Địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Cao Bằng.

8, Mông Thị H1

Địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Cao Bằng.

9, Mông Thị T2, sinh năm 2000

Địa chỉ: Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng

10, Mông Thị Minh T3, sinh năm 2002

Địa chỉ: Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng.

11. Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Hà Thị B – Luật sư – Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh C.

Địa chỉ: Tổ D, phường T, tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về phần đất tranh chấp: Ông Mông Văn T4 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 860 m² và bà Vi Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 1.284,7m² thuộc thửa đất có tên gọi Hìn Pắc thuộc thôn Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng. Theo bản đồ đất rừng tờ số 02, tỷ lệ 1/10.000, đất đang tranh chấp (H) là một phần nằm trong thửa đất số 971.

Tứ cận tiếp giáp của diện tích đất 860 m² công nhận cho ông Mông Văn T4 như sau:

- Phía Bắc giáp đất của ông Lê Văn M1 (thửa số 08).

- Phía Đông giáp phần còn lại của thửa đất Hìn Pắc công nhận cho bà Vi Thị N.

- Phía Nam giáp đất của ông Hà Văn T5, bà Lê Thị T6.

- Phía Tây giáp đất ông Lê Văn M1 (thửa đất số 8 và 15), ông Lê Đình N3 (thửa đất số 26).

Tứ cận tiếp giáp của diện tích đất 1284,7 m² công nhận cho bà Vi Thị N như sau:

- Phía Bắc giáp đất của ông Lê Văn M1 (thửa số 08).
- Phía Đông giáp phần còn lại của thửa đất Hìn Pắc công nhận cho ông Mông Văn T4.
- Phía Nam giáp đất của ông Hà Văn T5.
- Phía Tây giáp đất bà Lê Thị T7 (thửa đất số 05), ông Lê Văn Đ (thửa đất số 7).

Diện tích đất 860 m² công nhận cho ông Mông Văn T4 và diện tích đất 1.284,7 m² công nhận cho bà Vi Thị N có vị trí, ranh giới được xác định theo Sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất.

Ranh giới giữa phần đất công nhận cho ông Mông Văn T4 và phần đất công nhận cho bà Vi Thị N được xác định theo các điểm tọa độ sau:

Điểm tọa độ 1: X = 2486573.83; Y = 569806.10

Điểm tọa độ 2: X = 2486541.09; Y = 569823.87

(có sơ đồ trích đo kèm theo).

Về tài sản trên đất: Bà Vi Thị N có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất 860 m² công nhận cho ông Mông Văn T4 trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định (ngày 14/9/2026).

Trên cơ sở xác định ranh giới quyền sử dụng đất nêu trên, các đương sự có quyền và nghĩa vụ sử dụng đúng diện tích đất đã xác định, không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Các bên có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2026 là 9.495.000.đ (Chín triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn đồng). Nguyên đơn Mông Văn T4 tự nguyện chịu số tiền 3.798.000.đ (ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng). Bị đơn Vi Thị N tự nguyện chịu số tiền 5.697.000.đ (Năm triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Nguyên đơn Mông Văn T4 đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng để chi trả số tiền này, bị đơn Vi Thị N có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Mông Văn T4 số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 5.697.000.đ (Năm triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Mông Văn T4 tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng). Ông Mông Văn T4 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Ông Mông Văn T4 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2025, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 2 – Cao Bằng;
- PTHADS khu vực 2 – Cao Bằng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vũ Hoàng